

Số: /BC-SNV

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2020

**BÁO CÁO VIỆC TRIỂN KHAI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC
NGÀNH NỘI VỤ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

Thực hiện Công văn số 5288/BNV-TH ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011 - 2020, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang tổng hợp kết quả việc triển khai thực hiện như sau:

1. Thực trạng nhân lực ngành Nội vụ

1.1. Cơ cấu nhân lực theo trình độ đào tạo

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Sơ cấp	4	2.0	2	1	2	1.0
2	Trung cấp	14	6.8	3	1	1	0.5
3	Cao đẳng	8	3.9	4	2	1	0.5
4	Đại học	174	84.9	148	70	123	61.8
5	Sau đại học	5	2.4	55	26	72	36.2
	Tổng số	205	100	212	100	199	100

1.2. Cơ cấu nhân lực theo ngạch công chức, viên chức

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Công chức						
	Chuyên viên cao cấp						
	Chuyên viên chính	17	8.3	18	8.5	16	8.0
	Chuyên viên	147	71.7	163	76.9	118	59.3
	Cán sự	14	6.8	8	3.8	41	20.6
	Nhân viên	4	2.0	2	0.9	2	1.0
2	Viên chức						
	Quản lý	5	2.4	4	1.9	5	2.5
	Thừa hành	18	8.8	17	8.0	17	8.5
	Tổng số	205	100	212	100	199	100

1.3. Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác trong ngành Nội vụ

STT	Độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Độ tuổi						
	Dưới 30	50	24.4	27	12.7	13	6.5
	Từ 30-40	105	51.2	122	57.5	125	62.8
	Từ 41-50	35	17.1	43	20.3	44	22.1
	Từ 51-60	15	7.3	20	9.4	17	8.5
	Tổng số	205	100	212	100	199	100
2	Giới tính						
	Nam	124	60.5	123	58	104	52
	Nữ	81	39.5	89	42	95	48
	Tổng số	205	100	212	100	199	100
3	Dân tộc						
	Dân tộc Kinh	198	96.6	203	95.8	191	96
	Dân tộc khác	7	3.4	9	4.2	8	4
4	Thời gian công tác						
	Dưới 5 năm	87	42.4	74	35	62	31.2
	Từ 5-10 năm	67	32.7	93	44	79	39.7
	Từ 11-20 năm	44	21.5	38	18	49	24.6
	Từ 21-30 năm	7	3.4	7	3	8	4.0
	Trên 30 năm					1	0.5
	Tổng số	205	100	212	100	199	100

1.4. Cơ cấu nhân lực theo lĩnh vực công tác

STT	Lĩnh vực công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức nhà nước	97	47.3	108	50.9	101	50.8
2	Tôn giáo	22	10.7	21	9.9	19	9.5
3	Thi đua – Khen thưởng	36	17.6	34	16.0	34	17.1
4	Văn thư - Lưu trữ	50	24.4	49	23.1	45	22.6
	Tổng số	205	100	212	100	199	100

1.5. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo vị trí việc làm (đối với bộ, ngành Trung ương)

STT	Vị trí việc làm	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức hành chính						
	Lãnh đạo quản lý: - Vụ trưởng - Phó Vụ trưởng - Trưởng phòng - Phó Trưởng phòng						
	Thừa hành, phục vụ						
	Tổng số						
2	Đơn vị sự nghiệp công lập						
	Lãnh đạo, quản lý: - Giám đốc - Phó Giám đốc - Trưởng phòng - Phó Trưởng phòng						
	Chức danh nghề nghiệp						
	Tổng số						

1.6. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo vị trí việc làm (đối với địa phương)

STT	Vị trí việc làm	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức hành chính						
	Sở Nội vụ:						
	- Giám đốc	1	2.9	1	2.9	1	3.3
	- Phó Giám đốc	3	8.6	4	11.4	3	10.0
	- Trưởng ban	2	5.7	2	5.7	2	6.7
	- Phó Trưởng ban	4	11.4	4	11.4	4	13.3
	- Chi cục trưởng	1	2.9	1	2.9	1	3.3

	- Phó Chi cục trưởng	2	5.7	2	5.7	2	6.7
	- Trưởng phòng	8	22.9	6	17.1	6	20.0
	- Phó Trưởng phòng	14	40.0	15	42.9	11	36.7
	Phòng Nội vụ:						
	- Trưởng phòng	10	30.3	10	29.4	10	29.4
	- Phó Trưởng phòng	23	69.7	24	70.6	24	70.6
	Lãnh đạo Phòng Tổ chức hành chính; Lãnh đạo Văn phòng sở, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, người được giao làm công tác Nội vụ tại các sở, ngành thuộc UBND cấp tỉnh	46		49		46	
	Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu của các tổ chức được giao làm công tác Nội vụ (đối với các tỉnh/thành phố thí điểm thực hiện việc sáp nhập tổ chức)						
	Thừa hành, phục vụ	79		80		79	
	Tổng số						
2	Đơn vị sự nghiệp công lập						
	Lãnh đạo, quản lý:						
	- Giám đốc	1		1		1	
	- Phó Giám đốc	1		2		1	
	- Trưởng phòng						

	- Phó Trưởng phòng					
	Chức danh nghề nghiệp	10		11		8
	Tổng số	12		14		10

1.7. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo trình độ lý luận chính trị/quản lý nhà nước

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lý luận chính trị						
	Sơ cấp	34	19.3	31	17.1	6	3.8
	Trung cấp	107	60.8	97	53.6	87	54.4
	Cao cấp	35	19.9	53	29.3	67	41.9
	Tổng số	176	100	181	100	160	100
2	Quản lý nhà nước						
	Cán sự	12	7.6	8	4.1	3	1.6
	Chuyên viên	119	75.3	161	82.6	122	64.6
	Chuyên viên chính	27	17.1	26	13.3	63	33.3
	Chuyên viên cao cấp					1	0.5
	Tổng số	158	100	195	100	189	100

1.8. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo trình độ tin học/ngoại ngữ

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tin học						
	Trình độ A, B, C	197	96.6	194	91.5	174	87.4
	Chuẩn kỹ năng cơ bản	3	1.5	8	3.8	14	7.0
	Chuẩn kỹ năng nâng cao						
	Đại học	4	2.0	10	4.7	11	5.5
	Sau đại học						
	Tổng số	204	100	212	100	199	100

2	Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc và ngoại ngữ khác)						
	Trình độ A, B, C, D	204	100	205	96.7	198	99.5
	Đại học			2	0.9	1	0.5
	Sau đại học						
	Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có)			5	2.4		
	Tổng số	204	100	212	100	199	100

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt trong Quy hoạch

2.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, ngành Nội vụ có sự phát triển không ngừng về nhiều mặt như: Quy mô tổ chức bộ máy; phẩm chất chính trị; trình độ chuyên môn nghiệp vụ; năng lực tham mưu, quản lý, điều hành và được bổ sung thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ mới. Hiện nay, ngành Nội vụ được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực quan trọng, bao gồm: Tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức xã, thị trấn; công tác thanh niên; tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; tín ngưỡng; thi đua - khen thưởng.

Quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế thế giới; Thực hiện Quyết định số 1758/QĐ-BNV ngày 05/10/2011 của Bộ Nội vụ quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020; Trong những năm qua, UBND tỉnh Bắc Giang luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực ngành Nội vụ là một trong những nội dung quan trọng của phát triển nguồn lực của tỉnh. Phát triển nhân lực theo hướng vừa tăng quy mô và phải nâng cao chất lượng (phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu), tăng số lượng cán bộ, công chức, viên chức trẻ có năng lực, trình độ, đồng thời chú trọng đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ đối với cán bộ, công chức đương nhiệm. Số cán bộ đưa vào quy hoạch đảm bảo đủ điều kiện tiêu chuẩn về tuổi đời, trình độ chuyên môn, chính trị và được tín nhiệm cao. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung điều chỉnh cán bộ trong diện quy

hoạch cho phù hợp trên cơ sở đó xác định rõ yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng và hướng sử dụng cán bộ.

Công tác tuyển dụng công chức ngành Nội vụ được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Việc đào tạo, bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ và một số kỹ năng quản lý chuyên ngành được quan tâm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức của ngành đảm bảo về chất lượng; có độ tuổi trung bình trẻ; được đào tạo cơ bản về trình độ chuyên môn; có phẩm chất chính trị vững vàng; đạo đức, lối sống lành mạnh; có tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm cao trong công tác; cần cù, sáng tạo, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nhiều cán bộ, công chức tâm huyết với nghề nghiệp, chủ động học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ; biết sáng tạo trong công việc, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn để vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ, công chức sớm trưởng thành trong chuyên môn, nghiệp vụ và được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong ngành.

2.2. Tồn tại và nguyên nhân

2.2.1. Tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của ngành Nội vụ tại địa phương vẫn còn một số hạn chế, bất cập nhất định, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Một số cán bộ, công chức chưa phát huy hết năng lực, sở trường của mình trong công tác, còn thiếu tính chủ động, sáng tạo, chưa thực sự tự lực vươn lên trong học tập, rèn luyện; việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào một số trường hợp cụ thể chưa linh hoạt, hợp lý. Công tác tham mưu, quản lý trên một số lĩnh vực của ngành còn chậm, có lúc bị động hoặc chưa được quan tâm đúng mức.

2.2.2. Nguyên nhân

Do chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn nhiều bất cập, chưa có sự đồng bộ giữa đào tạo và sử dụng. Bên cạnh đó, ngành được giao nhiều nhiệm vụ mới nhưng việc phân bổ biên chế còn hạn chế và chậm trễ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhất là

biên chế ở lĩnh vực thi đua, khen thưởng và công tác thanh niên; việc bố trí cán bộ, công chức đi học là hết sức khó khăn.

2.3. Các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao chất lượng công tác phát triển nhân lực ngành Nội vụ

Tiếp tục đổi mới quy trình, chế độ tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Đây là khâu đầu tiên của chu trình quản trị nhân sự, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tính chất quyết định đến chất lượng cán bộ, công chức, viên chức sau này. Việc tuyển dụng công chức, viên chức trong thời gian tới phải thực sự xuất phát từ yêu cầu công việc, trên cơ sở xác định vị trí việc làm và lượng hóa được công việc của từng cơ quan, đơn vị.

Tạo chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy hoạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cần phải được đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức. Riêng về hình thức, có thể đào tạo, bồi dưỡng theo cách thức truyền thống là tập trung, nhưng cũng có thể đào tạo từ xa hoặc tự đào tạo, điều quan trọng phải có biện pháp kiểm tra, đánh giá kiến thức chính xác, khách quan. Chú trọng việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực của ngành Nội vụ trong giai đoạn tới.

Thay đổi cách quản lý, sử dụng nguồn nhân lực theo lối truyền thống, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong ngành Nội vụ, nhất là trong các khâu quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, nâng ngạch, đánh giá công chức; ưu tiên tuyển chọn những công chức, viên chức trẻ có năng lực thực sự, phẩm chất đạo đức tốt để đưa vào quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Đây chính là động lực thúc đẩy tính tích cực, sự phấn đấu của công chức, viên chức, khắc phục được tình trạng khép kín, cục bộ.

2.4. Đề xuất, kiến nghị

Nguồn nhân lực của ngành Nội vụ chủ yếu là công chức nhà nước, do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ quyết định phân bổ hàng năm. Vì vậy, để đảm bảo nguồn nhân lực bổ sung, thay thế trong thời gian tới, đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm bổ sung biên chế hàng năm (trong đó, có tăng thêm biên chế của ngành Nội vụ), tạo điều kiện cho địa phương thực hiện đúng mục tiêu về số lượng nhân lực ngành Nội vụ trong giai đoạn tới.

Đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm hỗ trợ địa phương thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cán bộ, công chức, viên chức của ngành Nội vụ nói riêng.

Trên đây là Báo cáo việc triển khai quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

Lưu: VT, VP.

Bản điện tử:

- Vụ Tổng hợp Bộ Nội vụ (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- quyhoachnoivu@gmail.com.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Đông